

8°
INDO-CHINOIS

1131

(1)

LẦN THỨ NHẤT



Quyển I

VÂN - VĂN

(Trích lục trong báo Tiếng-Dân)

Nhà in TIENG-DAN giữ bản-quyển



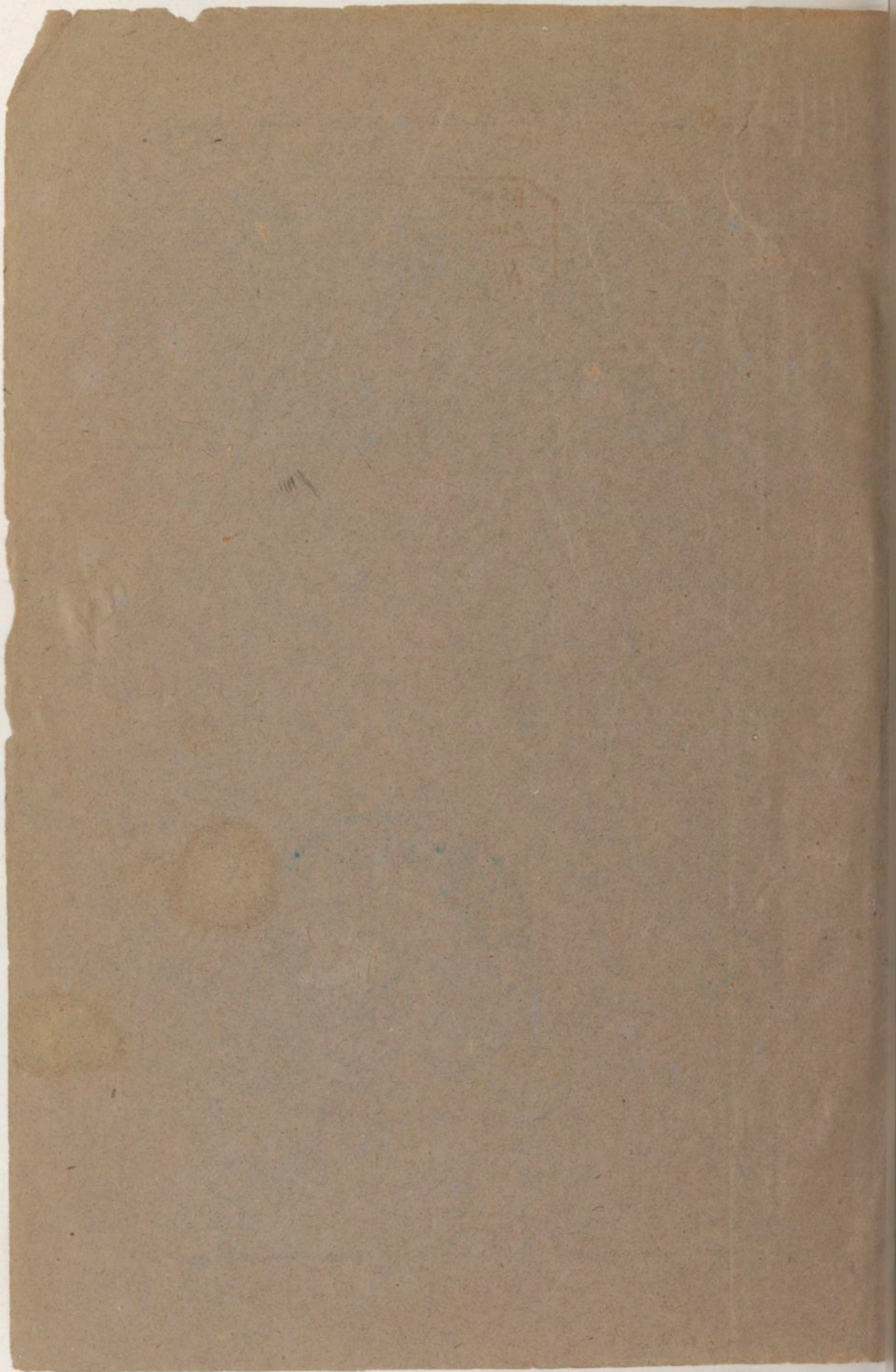
IMPRIMERIE TIENG-DAN

Rue Đông - Ba

HUẾ

giá : 0\$08





IN LẦN THỨ NHẤT

Quyển I

VẬN - VĂN

(Trích lục trong báo Tiếng-Dân)



Nhà in TIẾNG-DÂN giữ bản-quyền

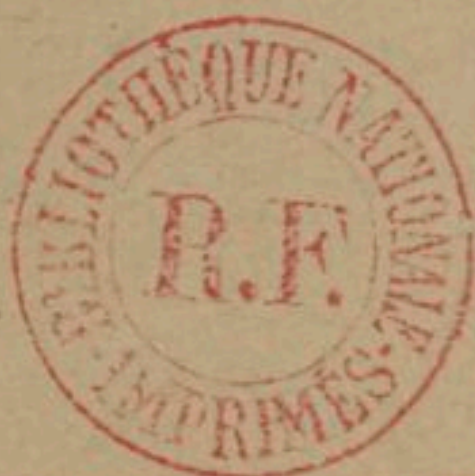


1929

IMPRIMERIE TIENG-DAN

Rue Đông - Ba

HUÉ

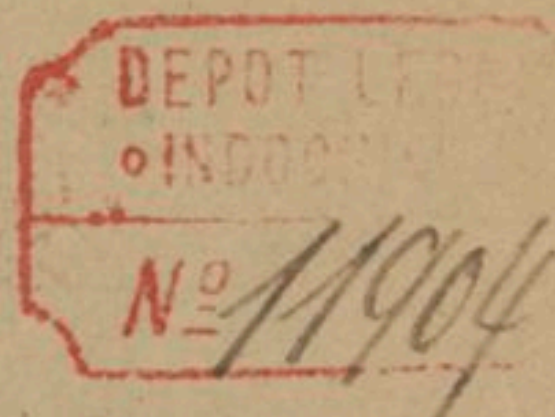


TỰA

Văn-văn đăng trong báo Tiếng-dân vẫn lựa chọn những bài có hứng-thú, có cảm-tình, ai đã đọc đến cũng đều rõ. Nay Bản-quán chọn lại một lần, chia làm từng quyển nhỏ nhỏ, để tiện cho những nhà thích xem văn-văn.

Nhà in TIẾNG-DÂN

VẬN - VĂN



CÂU ĐỐI DẪN TRƯỚC CỬA NHÀ BÁO

Tiếng như sấm đất vang, mới mười năm gió
Mỹ mưa Âu, mấy cuộc bể dâu, ngọn sóng nhẩy
tràn bờ cõi cũ.

Dân đều con trời cả, riêng một mống nguồn
Hong cõi Lạc, nghìn trùng non nước, khí thiêng
xin hộ giống nòi chung.

TIẾNG-DÂN

TRĂNG SÔNG HƯƠNG

Sông Hương gió mát lại đêm thanh,
Quanh quẽ trăng kia ảnh với mình.
Đền Bắc lầu Tây chung một vẻ,
Lung mây đáy nước rạch đôi vành.
Cỏ cây thành cỏ lơ thơ bóng,
Đờn hát thuyền ai bận bịu tình.
Thử hỏi Ả Hằng đôi truyện cũ,
Quê xưa trở được mấy nhiều nhành.

M. V.

CHƠI NAM-KỲ CẨM TẮC

Giàu sang Chân-lạp tiếng Nam-Trung,
Nội gấm đồng thêu xấp mấy trùng.

Vật-sản nhì cau mà nhất lúa (1)
Tài xưa thập vịnh lại tam hùng (2)
Ngàn năm học Thánh bìa Sùng-Đức (3)
Một cỡi oai thần miếu Thượng-Công (4)
Lịch-sử ông bà vang vẻ thế,
Hỏi thăm con cháu có người không?

THÁP CHIÊM-THÀNH

Thành kia ai đắp tháp ai xây?
Núi bẻ mệnh mông một cỡi này.
Vận đất đổi dời quanh quít đó,
Tuồng trời thua được góm ghê thay.
Giang-sơn, người đá hai hàng lệ.
Công-nghiệp vua Hoàn (5) mấy cụm cây.
Cuộc thế rành rành gương trước mắt.
Kia ai giấc ngủ vẫn còn say.

M. V.

(1) Trong Nam có câu: nhất lúa nhì cau.

(2) Hà-tiên thập vịnh (nói về văn), Gia-định tam hùng (nói về võ).

(3) Sùng-đức là ông Võ-trường-Toản dạy học trò nhiều người giỏi.

(4) Ông Lê-văn-Duyệt khai quốc công thần.

(5) Hoàn-Vương (環王) là hiệu vua Chiêm-Thành

LŨY THẦY

(Ở Quảng-binh, lũy ông Đào-duy-Từ đắp)

Bể dâu thay đổi mấy triều vương,
Lũy cũ xanh xanh một giải trường.
Rêu đá lở mờ kinh Hồ-trường (1),
Gió lau veo vắt phủ Long-cương (2).
Non sông trơ đỏ thầy dâu vắng,
Con cháu còn đây giống vẫn cường.
Công đức miệng người bia tạc mới,
Nghìn thu mấy kẻ biết trông gương ?

M. V.

QUA NÚI HOÀNH - SƠN

Bắc Nam phân giới trước là đây,
Tục gọi Đèo-Ngang ấy chỗ này.
Ai cổ rã rời ba đồng gạch,
Non xanh mù mịt mấy từng mây.
Một đường xe điện dừng không đứng,
Hai cạnh rừng cây giập muốn bay.
Thử hỏi nghìn năm hồn nước cũ,
Hồng-lam danh-thắng vẫn xưa nay.

M. V.

(1) Sách binh-thư của ông làm.

(2) Ông làm bài phủ Ngọa - Long ví với ông Khổng-Minh.

CẢM TÁC

Gió tố mưa giông đồ lộn phèo,
Trời già chi nữ thất khi eo.
Gấm mùi trung hiếu nên cay đắng,
Dở túi văn chương đã mốc meo.
Bợm điếm lãng xăng lo chợ cháy,
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo.
Non cao biển rộng mệnh mỏng cả,
Mặc sức bơi chơi mặc sức trèo.

Tây-Hồ

ĐI BẮC - HÀ

Năm ngoái Nam-kỳ dạo khắp nơi,
Năm nay ra thẳng Bắc-Hà chơi.
Nghìn năm nước cũ hồn sao vắng ?
Mấy mảnh bia tàn chữ chữa phai.
Nói giống tiêu mòn ghê mấy kiếp,
Giông mây chèo chống cây nhiều tay.
Lời già xin bảo bà con biết,
Một gánh non sông để đợi ai ?

M. V.

TRÚC-CHI - TỪ

Thề thi này theo lời diên-phu giá phụ, cùng là
ca-đao trong dân-gian, lật lại thành bài, ai đọc
đến cũng biết được phong-tục trong một xứ;

là một thứ văn đề hiểu mà có ý vị.

HƯƠNG-GIANG TRÚC-CHI-TỪ

I

Nhà tôi tuổi tác ngoại hăm-hai,
Nghề nghiệp nhà quan đề kém ai.
Hôm trước vào dinh hầu các cụ,
Bãi ngà đeo ngực sẽ nay mai.

II

Khen nổi nhà ai khéo lựa chồng,
Bà Tham bà Đốc lại cô Thông.
Ăn xài sung sướng không gì thiếu,
Mỗi tháng còn dư mấy chục đồng.

III

Khăn đen giày hạ áo sa-tanh,
Sớm tối xe đưa đón cửa thành.
Nghe nói Mỹ Âu trời đất khác,
Thiếu-niên khéo đặt chuyện tam bành.

M. V.

MIÊU HAI BÀ TRƯNG

Cột đồng chìm chín suối,
Tượng đá nổi nghìn thu.
Vì nước thương người khuất,

Xum tay chỉ dứa cừu.
Giang-sơn tươi vẽ mặt,
Hào-kiệt hồ chòm râu.
Ai biết ai không biết,
Hồ-tây nước thăm sâu.

NGHIÊU-GIANG

TẠ ƠN CHO QUẠT LÔNG

Lầm than đau nổi tứ bề,
Thấy người nóng sốt mới chia gió cùng.
Ơn này ơn nặng lạ lòng,
Lấy gì đền giả, giải lòng mấy câu.

Thơ rằng :

Lửa ai nung nấu khói ai un,
Ngày thán; vì ai ruột héo mòn.
Giời hạ chói chang da sém tia,
Gió xuân thấp thoáng mắt mong chồn.
Lông hồng muôn dặm mây in bóng,
Tình bạn ngàn thu nguyệt dạng tròn.
càng phất càng thêm chiều mát mẻ,
Lòng ghi thề với bể cùng non.

VIỆT-ĐIỀU

MIÊU ĐỨC TRẦN-HƯNG-ĐẠO

Nguyên-binh trăm vạn kéo đầy đồng,
Mấy trận ra oai đuổi sạch không.

Non Kiếp hoa lau cò xấp xối,
Sông Đắng ngọn sóng trống lung tung.
Ngàn năm đất tổ ghi bia đá,
Một cõi trời nam vững cột đồng.
Thấy nói gươm thần thiêng lắm nhỉ,
Nhiều khi trời lặng nổi cơn dông.

M. V.

QUA NGHỆ-TỈNH

Núi Hồng chín-chục-chín hòn cao,
Cuồn cuộn sông Lam ngọn sóng nhào.
Cuộc thế bể dâu đà mấy lớp,
Khí thiêng non nước vẫn chưa hao.
Bán buôn lần lượt đi thành Vĩnh,
Già trẻ thăm nom truyện Cự Sào.
Từ lúc hỏa-xa thông đất Bắc,
Đã mang phong khí xứ Kinh (1) vào.

M. V.

VĨNH ĐÁ ÔNG ĐÁ BÀ

TIÊU - DẪN

*Người ta chết hóa ra ma, chết hóa ra đá chỉ ta
vời mình ; người ta đến chết hết tình, chết còn
như đá chỉ mình với ta. Câu truyện đó đầu nghe
ra quê kịch, sau nghĩ lại có ý nghĩa, nghĩa là loài*

(1) Ngày xưa Hà-Thành gọi là Kinh

đá thời lòng vững, dầu gió lay cũng không chuyển, tiết cứng, dầu sóng đánh cũng không mòn, một tiết nghìn thu không gì bằng đá vậy.

Ở tỉnh Nghệ-an huyện Thanh-chương tổng Đại-dồng mé sông Lam-giang có hai hòn đá tục gọi là đá Ông đá Bà xưa kia hai hòn đá vẫn ở bên bờ sông, thuyền bè qua lại ở giữa ; mà nay lại thấy hai hòn gần nhau cùng đầu lại làm một, xung quanh sinh ra nhiều đá con. Nước sông luôn cuộn hàng đá lô nhô, thuyền bè đi qua phải lánh tìm lạch khác. Những người du lãm ai bảo là đá kia vô-tình ! Hòn Oa-hoàng vẫn linh thiêng, đá đây và trời tình cho kín ; Oan Tinh-vệ vẫn đương chan chứa, đá này lấp bể hận cho đầy . . . Vậy ký - giả vịnh ra đây mười bài « Ô-thước-kiều » gọi là vài lời tặng đá.

KÝ-GIẢ dẫn

1. — Phong-cảnh mang chi một mối lòng,
Hóa-công sao khéo ghẹo anh-hùng.
Nào ai tài-tử giai-nhân hỡi.
Hãy đến mà xem đá vợ chồng.
2. — Hãy đến mà xem đá vợ chồng,
Mà soi lấy đó tấm gương trong.
Xưa kia đôi ngả lòng xa cách,
Nay lại gần nhau có phải không ?
3. — Nay lại gần nhau có phải không ?
Khen ai khéo buộc sợi tơ-hồng.

Nước trôi sóng vỗ lòng không chuyển,
Gắn bó cùng nhau một chữ đồng.

4. — Gắn bó cùng nhau một chữ đồng,
Nghìn thu chung nặng gánh non sông.
Hai vầng nhật nguyệt lòng soi tỏ,
Cùng giải sông Lam ngọn núi Hồng.

5. — Cùng giải sông Lam ngọn núi Hồng,
Vẫn cùng non nước đội trời chung.
Còn trời còn đất còn non nước,
Còn đá bà kia với đá ông.

6. — Còn đá bà kia với đá ông,
Hay là cụ tổ giống Tiên Rồng.
Nào đâu cái bọc trăm trai nhỉ?
Hỡi cụ Âu-Cơ với Lạc-Long?

7. — Hỡi cụ Âu-Cơ với Lạc-Long?
Trời Nam sao lắm cuộc hưng vong?
Văn-minh Âu-Mỹ đâu là bến?
Nước bốn nghìn năm vẫn thế không?

8. — Nước bốn nghìn năm vẫn thế không?
Đồng-bào ơi hỡi Bắc Nam Trung!
Lưỡng-cơ nhất-cống (1) nào ai gánh,
Mà đắp bồi thêm đất Lạc-Hồng.

9. — Mà đắp bồi thêm đất Lạc-Hồng,
Mai sau thu lấy lợi-quyền chung.
Thôi, thôi, ướm hỏi ông bà Đá,
Nào kẻ cùng ta tát bể đông?

(1) Một gánh hai cái thùng.

10. — Nào kẻ cùng ta tát bể đông ?
Làm trai cho phỉ chí tang-bồng.
Đặng-sơn tìm bạn bông-lai đảo,
Phong-cảnh mang chi một mối lòng.

Thụy-Lam : ĐÌNH-XUÂN-KHOA
Thanh-chương, Nghệ-An

MỪNG ĐƯỢC MƯA

Hơi nồng lửa Hạ, đỏ trót năm trời.
Bóng nép mây Thang, trắng nghìn dặm đất.
Trâu ngó trắng hôm nọ, ngênh đôi sừng thỏ
nồi cày khan ;
Rồng được nước bao giờ, cuốn năm vẻ phát
chiu bay bổng.
Cây khô cỏ héo, bất-nhân sao ghé góm ông xanh.
Trẻ khóc già than, vô tội luống xót xa con đỏ.
Há lẽ ngành rơi mù ngọt, phép phật chầy
thiêng.
Mới hay tảng đỏ mờ-hôi, cơ trời chóng chuyển.
Ngày mười hai tháng tám ;
Giờ sáu bảy chiều hôm.
Tiếng sông chen tiếng bể ào ào ;
Trận gió tiếp trận mưa rạt rạt.
Chồi già mậm bé, xưa vàng khè, nay lại xanh um.
Ruộng bút ao nghiên, mau nhuận nhả lời nên
vui vẻ.

Vậy có thơ rằng :

Ơ ai cày cuốc sấm sanh chưa ?
Gió bốn phương trời thối liếng mưa.
Nước sợ mất đâu bờ sấm đắp,
Giống mong tốt nữa cỏ mau bừa.
Đầy đường tôi nón khua xe ngựa,
Chật đất kho tàng áy ruộng trưa (1)
Muôn họ ấm no nhờ một trận,
Mưa dầm sấm dậy sức còn thừa.

VIỆT-ĐIỀU

CHƠI PHÚ - HẢI

Trời xanh lộng lộng,
Bề thăm mang mang.
Ào ào làn sóng bạc,
Thanh thanh ngọn gió vàng.
Một hòn non xanh tự đâu tới,
Giừng lại chốn này đứng nghiêm-trang.
Hỏi bác thuyền chài lâu ai đó ?
Thưa rằng : « ấy lâu của ông Hoàng.
« Có non có bề,
« Sấm gió sấm mây.
« Ông ham cảnh thú chốn này lắm,
« Ông mới làm ra cái lâu này.
« Ông buồn cuộc tang-hải,
« Ông vui thú cỏ cây.

(1) Ruộng trưa là ruộng mướn.

« Bây giờ ông bán cho nhà nước,
« Ông đã đi về Pháp-lan-tây ».
Bước lên đỉnh núi vào coi lầu :
Kính hoa nệm gấm thiếu gì đâu.
Có bàn điện-thoại bàn xem sách,
Có phòng nằm ngủ phòng gội đầu.
Có nhiều đèn điện, có quạt điện,
Có chỗ ngồi chơi, chỗ cạo râu.
Có ảnh ông Hoàng mặt mũi đẹp,
Có bài thơ tây ý-tứ sâu.
Dời gót quanh lầu dạo mà chơi,
Quanh co quất khúc thiếu gì nơi.
Bên non đàn én liệng,
Trên đá chùm hoa rơi.
Trông vào lâu đài ở Phan-thiết,
Trông ra ghe tàu ở ngoài khơi.
Chẳng biết cùng ai mà nói chuyện,
Chung quanh chỉ thấy mình với trời.
Kim-ô đã lặn mất đâu rồi,
Cũng muốn về mà cũng muốn ngồi.
Khách về non nước nùm áo lại,
Biểu : « ở đây mà chơi với tôi.
Dưới Trần ai biết chuyện,
Như nước với như voi ».
Hẹn cùng non nước « còn nhiều bữa,
Trót đã nhân duyên phải một hồi ».
Ra về trong dạ đã buồn tanh,
Nặng với non sông một khối tình.

Mới bước ra đường được mười bước,
Bên đường thấy tháp của Chiêm-thành.
Cách kiêu rất tinh-xảo,
Mưa gió đã tan-lành.
Bằng diều vì ai rơi giọt lụy,
Biết chẳng đá xám với rêu xanh ?
Rêu xanh đá xám một màu,
Niu trời khách hỏi một câu sau này :
« Bề còn non cũng còn đây,
Tháp còn sao lại người xây không còn.
Giống người sao lại chon von,
Sao không hết khuyết sang tròn như trăng ?
Ở sao ở chẳng công bằng ? »
Trời nghe trời cũng nhăn răng trời cười.
Cười rằng : « Thầy chớ trách lời,
Việc người thì cứ trách người thì hơn ».

SÔNG-GIANH

ĐI XE TỪ NGHỆ RA BẮC.

Đường xe đi giữa núi hai bên,
Rồng gấu hùm beo (1) mở mắt nhìn.
Kia máu tồ-tôn gành nhuộm đỏ,
Nọ bia đất-nước mực còn đen.
Mênh mông bề khổ hồn Tinh-vệ,
Deo dặt ngành khuya tiếng Đô-tuyên.
Nhân vật nghìn xưa non nước ấy,
Đã từng dẹp Tống lại bình Nguyên.

M. V.

(1) Núi đá có hình như các con thú.

TỨC - SỰ

Khen cho yêu thước lại cười hồng,
Chán nổi vườn hoa xúm bướm ong.
Lưới nhặt đánh chim, khôn bủa phụng,
Mùi thơm nhử cá, dễ câu rồng.
Voi không nên nổi trâu làm lớn,
Cây dổi vì chưng cộp xuống đồng.
Ếch giếng xem trời thôi vậy vậy,
Kia ai biết rắn có chân không ?

HÀ-HỮ-NHÂN

CHƠI CHÙA ÔNG RAU (1)

Tẻ lắm, ông rau ông hỡi ông !
Ông đi đâu mất bỏ chùa không ?
Hang sâu phủ mặc bấy giới ở,
Vách trống khôn ngăn trận gió lồng.
Nước vẫn nhuần lòng con nằng-hạ,
Cát dương vui mặt ngọn triều-đông.
Có ai nổi dấu tu-hành trước,
Đài-cảnh còn soi rạng núi sông.

TRÚC-TRAI

(1) Chùa ông Rau là chùa đá ở núi Long-Phụng về tỉnh Quảng-Ngãi, chùa ngó ra biển, dưới chân chùa có giếng.

ĐỀ TRANH SƠN-THỦY

Cái cảnh thiên-nhiên cảnh lạ lùng,
Hỏi ai tô điểm? ấy Thiên-công.
Rập rờn sóng bạc xô vào bến,
Lơ lửng thuyền nan đậu giữa dòng.
Nhà cửa giăm chòm trên bãi cát,
Núi non một dãy dưới vùng đông.
Ôm-cầm nào khách ngồi câu đó?
Cảnh đẹp đường này hãy đứng trông.

DƯƠNG - BÌNH - TAY

(Xuân-day)

TỈNH BÌNH-THUẬN

Đất, đất Xiêm-thành, tỉnh tỉnh ta,
Ngàn năm gầy dựng nhớ ông cha.
Khẩu yên dong ruổi ba vòng ngựa, (1)
Lông cánh đua nhau mấy độ gà. (1)
Núi Diêm lửa tàn tro lạnh ngắt,
Sông Phan nước giới sóng xông pha.
Tháp Hời kia cũ lâu tây (2) mới,
Phong-cảnh nay đã ngó khác xa.

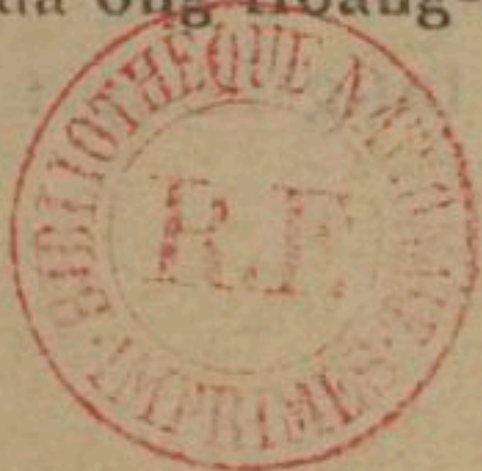
S. G.

THẾ-TÌNH

Vừa bước chân ra giữa cõi đời,
Trông chừng rần rít chị em ơi!

(1) Đua ngựa đá gà là phong-tục Phan thiết.

(2) Lầu tây là lầu của ông Hoàng-tộc của tây ở gần tỉnh Phan-thiết.



Bên trời góc bể ai dậu tá ?
Dạ cá lòng chim đến thế thôi.
Áo mũ xanh xang bìa đá tạc,
Non sông hờ hững lệ châu rơi.
Ước chi trời đất đưa luồng gió,
Dẹp đám phù-vân một góc trời.

HỒ-NGỌC-HOÀN

CẢNH NHÀ KHÓ

(Bần-phu tự-thán)

Hết đường nào chạy hết đường lo,
Cái cảnh nhà tôi ai biết cho.
Khuya sớm lùm cùm, thương vợ rét,
Đêm ngày khạt khệt, nổi cơn ho.
Phên hư gió lọt, mình tê cứng.
Nồi trống cơm, không bụng đói xò.
Muốn ngủ cho qua giường lại hẹp,
Khó bề nằm thẳng khó bề co.

P. V. H.

CHƠI BỜ SÔNG MÊ-CÔNG

(Mé-Kông)

Trống tàn canh vừa khi thức tỉnh,
Gọi sương mai dạo cảnh Mê-công.
Này trời lầy gió này sông,
Này ai là khách tang-bồng tới đây.

Trên bờ sông làn cây hai dãy,
Dưới lòng sông nước chảy đôi dòng.
Dừng chân đứng lại mà trông,
Nghìn xưa phong cảnh non sông nước nhà :
Cây rậm lá cành là-đa trĩu,
Nước nhiều bùn sông dịu dịu trôi ;
Trông non sông những nhớ ai,
Nhớ người trị thủy nhớ người trồng cây.
Trồng cây ấy việc này há dễ ?
Trị thủy kia công kể xiết bao ?
Núi kia ai đắp mà cao ?
Sông kia dài rộng ai đào mà sâu ?
Cỏ cây vẫn một màu xanh ngắt,
Non sông xin giữ chặt y-nguyên.
Chấp tay khách đứng khách nguyên,
Nguyên non sông được vẹn tuyền như xưa.
Kìa ai ngủ đã dậy chưa ? !

Ngũ-Sơn L. P. T.

ĐĂNG THỦY-SƠN CẢM HOÀI

Chung quanh trời đất giữa giang-san,
Một mảnh tình riêng lụy chứa chan !
Chim Tră tiếng kêu nguồn sóng vỗ ; (1)
Hoa vàng hương ngậm tuyết sương tan ! (2)

(1) Nguồn sóng vỗ vào núi Tră, nên tiếng chim Tră kêu lẫn vào tiếng sóng.

(2) Sương tuyết tan xuống hoa vàng nên hương cúc ngậm trong sương tuyết.

Bao hàng chữ khắc từng rêu phủ,
Lưng túi thi ngâm đọng quốc khan !
Gió cuốn thành hoang tung cát bụi,
Ô hay ! non nước cũng lắm than ! ...

BẢO-ĐÌNH-ĐƯỜNG

KHUYÊN CHÔNG SỰ ĂN MẶC

Canh khuya chàng dậy thiếp xin nói,
Cần kiệm đạm thanh là phải thói ;
Suốt từ đời xưa đến đời nay,
Bất cứ nhà giàu với nhà đói.
Cải nền đạo-đức phải ra công,
Ăn mặc bề ngoài qui thích trung.
Thấy kệ sô sa với gấm vóc,
Chi bằng lụa vải mùi nâu sồng,
Người nước Nam của nước Nam,
Người mình ăn mặc người mình làm ;
Những đồ ngoại-hóa tốn tiền quá,
Văn-minh ngoài vỏ chớ đua tham.
Chàng sao chẳng thấy người thiên-hạ,
Ra sức đề chế đồ ngoại-hóa ;
Người ta đã tỉnh mình cứ mơ,
Giây giậy mà xem hội Âu, Á.
Gia phong cần kiệm nền vẫn còn,
Phúc tổ ơn trời dặng mấy con,
Đứa ăn đứa chơi đứa đi học,
Đương chừng liễu yếu với đào non.

Nay áo sa-tanh mai sa-tiểu,
Nay áo kim-ngân mai kim-nghiếc.
Còn thêm mấy tá khăn mù-xoa,
Tiền tiêu như nước sao không biết ?
Vả chẳng mình em sức yếu hèn,
Chợ búa một tháng năm ba phen.
Nào là quan dân nào giỗ tết,
Nào là gạo thóc nào dầu đèn.
Vả lại sưu thuế nay nặng nề,
Dứt vạt vá vai nay nợ bê,
Lại thêm con ăn với con ở,
Biết bao tiền mượn với tiền thuê.
Vắt tay nằm nghĩ lối đường dài,
Có chí anh-hùng mới gọi trai ;
Cốt giữ tinh-thần cho vẹn-vẻ,
Văn-minh nào phải phong-phanh ngoài.
HỒ-THỊ-BẢNG-ĐÔI
(Bèo-Hậu)

TRÚC-CHI-TỪ

(Dân xứ bị lụt)

1. — Gió lớn mưa to nước nhẩy đồng,
Đồng bằng như biển ngó mênh mông !
Ông thần Thủy-bá vô nhân nhĩ,
Nước mắt mồ hôi cuốn sạch không.
2. — Nước mặn tràn đồng lúa bị ngâm,
Bờ đê lại lở ruộng ra đầm ;

Nhà xiêu bụng đói gạo chẳng có,
Bồng cháu đi xin đừng khóc thẳm.

3. — Khóc than biết có thấu trời chăng ?
Trời cứ thình thình chẳng nói năng ;
Xin hỏi dân này bần lại khổ,
Tai ương chồng chất mấy trăm tầng ?
X. T. T.

HỌA VĂN BÀI MỪNG ĐƯỢC MƯA

Hỏi ai ai đã thích hay chưa ?
Càng hạn lâu ngày được trận mưa.
Lúa ngất chân trời mây sắp lớp,
Cỏ dan mặt đất nước trôi bừa.
Sạch sành thần «bạt» (1) không tắm tích,
Mát mẻ dân cùng ngóng sớm trưa.
Muôn đời trời già thương đói khát,
Nước cho uống đủ gạo ăn thừa.

HỌA VĂN NGÃU-TÁC

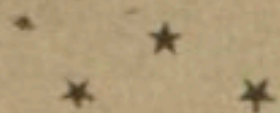
Sự bàn bàn phải suốt đuôi dẫu,
Cái vấn-đề này có tại đâu.
Kẻ nói biết bao nhiêu máu nhỏ,
Người nghe dường cũng có lòng đau.

(1) Ông thần hạn.

Trong hăm-lăm triệu dân không ít,
Ngoài bốn nghìn năm tiếng đã lâu.
Danh-dự thế mà nông nổi thế,
Rầu không muốn nghĩ nghĩ thêm rầu.



Rầu không muốn nghĩ nghĩ thêm rầu,
Ngoảnh lại trông gương trắng toát rầu.
Thực-nghiệp bầy trù cho tẩn tới,
Thời-cơ nào mượn phải lo âu.
Người đà chung cả trên nền múa,
Trời lẽ riêng ai dưới vực sâu?
Cùng một giống nòi cùng một nước,
Thương nhau nên phải nói cùng nhau.



Thương nhau nên phải nói cùng nhau,
Ai cũng lo xa cũng nghĩ sâu.
Sao được mỗi nghề đều phát đạt,
Để cho trăm họ thỏa lo âu.
Trong gương kim cổ đôi con mắt,
Trắng nợ tang-bồng mấy cái rầu.
Giòng đôi Lạc-Hồng tươi vẻ mặt,
Khi vui này đối với khi rầu.



Khi vui nầy đối với khi rầu,
Việc lớn lao nên sắp đặt lâu.
No ấm áo cơm nuôi thể mạnh,
Sẵn sàng thầy thuốc giúp thời đau.
Tư cơ nay đã dần lên mãi,
Đạo-đức xưa còn phải mượn đầu.
Một tiếng xướng rồi muôn tiếng họa,
Sự bàn bàn phải suốt đuôi đầu.

Vô-Danh

TRÚC-CHI-TỪ

(Dân nhà nông)

1. — Một công trâu xấp mấy công người,
Ruộng rộng cày trưa mệt tả tay.
Kẻ trộm hôm qua lừa dắt mất,
Ngày nay ra ruộng đứng kêu trời !
2. — Đồng khô ít cỏ phải nuôi bò,
Có một đôi bò chẳng phải lo.
Khốn nỗi vì sao chuồng bỏ trống,
Than ôi ! thịt nọ đã lên lò.

X. T. T.

TRIỆU-ÂU

Nước non ai chẳng biết tên bà,
Nổi tiếng anh-hùng đất Việt ta.
Ba thước vũ dài ghê tướng lạ,
Một thanh gươm sắc đuổi quân ma.

Liều-bồ chống vững chun thành quách,
Son-phấn tô nên vẽ nước nhà.
Dẹp đồng muông chim xa phải lánh,
Ngàn thu bia để giấu quần-xoa.

Mlle NHƯ-TIÊN

NGHIỆN NƯỚC TRÀ

Trà trà nước nước lúc hôm mai,
Yêu nước nên ta nhớ nước hoài.
Bưng chén sơn-hà xem nóng nguội,
Mở bình xã hội thử đầy vơi.
Nhiệt-thành lò quạt phăng phăng đỏ,
Tâm-huyết hơi ùn sục sục sôi.
Ai nấy xúm nhau lo quạt nước,
Quạt cho đừng hức để mà xơi.

Lữ-ĐÔNG

Giã-Trường ⁽¹⁾ xe cát bể Đông
Nhọc nhằn mà chả nên công chuyện gì

Nhọc mình chi mấy giã-trường ơi,
Xe cát xưa nay chẳng thấy rồi.
Tháng lộn ngày qua cả cụm đầy,
Bãi dài sóng cả tạt xô hoài.

(1) Giã-trường là con vật nhỏ hình như con cua hay xe cát biển.

Mượn hồn Tinh-vệ thù cho biển (2)
Hóa kiếp Ngu-công chống với trời (3)
Cuộc thế tang-thương đâu đã chắc,
Thân này xin hãy bạn cùng người.

Tây-Hồ tiên-sinh

VỊNH ÔNG TÁO

Thần quân thế cũng sắc trời phong,
Chức chưởng lâm chi giữa cõi đông.
Nồi gạo lo toàn ngày sợ hồng,
Hơi đồng liếm láp bữa ngồi trông.
Oai quyền trong xó vui chi đó,
Đè nén trên đầu có biết không ?
Lành dữ việc đời sao ngậm miệng,
Nực cười xác đất nén ba ông.

* TĂNG-PHÚ-PHỎ

CÁI THUYỀN

Cái kiếp sanh ra ở giữa vời,
Quản bao vào lộng lại ra khơi ;

(2) Trích sách Tàu : Một chàng con vua khi qua biển bị sóng bão, khi gần chết thề lắp cho được biển. Sau chết hóa ra chim Tinh-vệ cứ tha cây và đá về lắp biển.

(3) Có người thiên hạ gọi là ông Ngu, nhà ở trong núi, khó đi qua, ông thề đào bằng cả mấy hòn trước núi mặt. Cứ bền gan đào mãi, trời thấy động lòng, sai thiên-lôi xuống đánh bằng cả mấy hòn núi.

Tha hồ giông tố liễu theo nước,
Nào kể công lao cốt với người.
Hào-hiệp giang-hồ đều bạn cớ,
Kiên-trinh tiết-thảo có trời soi.
Thế-gian ai kể tri-âm đó,
Không nước thôi thời hết ngược xuôi.

ĐỀ CÁI TƯỢNG NỘ

Gọi mãi sao ông chẳng ngắt đầu,
Thế mà cũng chịu tiếng *mày râu*.
Trơ in gỗ cứ khoanh *tay rế*,
Lặng tựa tờ *câm ngậm miệng* trầu.
Biếng ngấm *bể dầu* *ngơ mặt* khỉ,
Buồn nghe non nước *ngoảnh tai* trầu.
Muốn đem chuông trống truy *hồn* lại,
Mở *mắt* nhìn xem cuộc Á Âu.

THẾ-NHU

HỌA BÀI THƠ

BÀ TRƯNG

Trong số báo 17

Ai thấy mà ai chẳng then sao ?
Đứng trên nữ-giới thấy ai nào ?
Hai vầng nhật-nguyệt soi gương rạng,
Một án phong-trần tuốt lưỡi dao.

Cây cỏ Tây-hồ nhuần mặt phần.
Uớm khăn Nam-sử đượm hoa đào.
Trung-trình đôi bóng hè lần tới,
Nợ nước thù chồng nặng biết bao.

THIÊN-THẠCH Nữ-nhơn
(An-hòa)

HỌA BÀI THƠ
VỊNH BỨC ĐỊA-ĐỒ RÁCH
(Không theo vần)

Hóa rách ra lành thế mới hay,
Trời giăng giấy khắp đất hồ đây.
Non sông sẵn vóc thêu hoa gấm,
Gan óc ghe phen trở gió mây.
Trắng ủa hồng tươi tùy thợ ý,
Bột rền keo dẻo cốt thầy tay.
Người đà mới mới ta nên mới,
Bồi vá mà chi khéo quấy rầy.

THỊ - HÁN

ĐI ĐƯỜNG

I

Một khoảng đường đi thăm thăm xa,
Tấm riêng tư-tưởng một mình ta.
Đau lòng những chuyện khi trông thấy,
Chán mặt nhiều đều lúc trải qua.

Hoàn-cảnh khó đem ngòi bút tả,
Cảm-tình không xiết hột châu sa.
Một lần du-lịch xem cho biết,
Lấy mắt tinh đời thử xét tra.

II

Lấy mắt tinh đời thử xét tra,
Tri-âm kia hỡi những ai là ?
Con đường hy-vọng đi cho tới,
Cái tuổi thanh-xuân gắng kéo già !
Theo đuổi phong-trào cùng thế-giới,
Giữ gìn sự-nghiệp của ông cha.
Lấy bầu nhiệt huyết làm sơn phấn,
Tô vẽ non sông đất nước nhà.

VẠN-LÝ-BẰNG

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

I

Non đoài đã gác bóng tà-dương,
Ngắm cảnh xui người dạ vấn-vương.
Đàn nhận lưng trời thơ thốt bóng,
Bầy ong mặt nước lạnh lùng gương.
Bờ lau hiu hắt bay làn gió,
Ngành trúc la đà nặng hạt sương.
Ngắm cảnh vẫn còn chưa chán cảnh,
Bên chùa nghe tiếng vải khua chuông.

II

Nghe chuông sức nhớ nổi quê nhà,
Thẳng một con đường mấy dặm xa.
Này cảnh thung-huyền lời dạy bảo,
Nọ lầu hoa-ngạc động ê-a.
Bóng cây cỏ-thụ ngoài sân dưới,
Ngọn suối kim-tuyền trước ngõ ra.
Ồ, ngán cho mình hay nhớ nhỉ ?
Nước non đâu cũng nước non nhà,

HÙNG-VÂN

BÀI BẠC

Khốn nạn ai sinh mấy cỏ-bài,
Gia-đình xã-hội quấy nhiễu tai.
Bạc tiền miễn sẵn nào trên dưới,
Đen đỏ chen nhau lẫn gái trai.
Nhà cửa tan tành vương lấy nợ,
Gông cùm đau đớn chẳng từ ai.
Đồng-bào ai kẻ mau mau tỉnh,
Sớm tẩy-chay đi mới gọi tài.

THƠ GÀ GÁY

Tức nổi người ta ngủ quá mê,
Cọc cò cò cọc tẻ tẻ te.
Dương mồng bên gối xui gươm múa,
Ngang cổ vùng đông giục bóng loè.

Đánh thức non sông vang dất dậy,
Gáy tan mưa gió mất trời khuya.
Ước ao ai nấy đều nghe cả,
Ai bởi ai ơ nghe chẳng nghe.

S. N.

TỬU (rượu) CA

Đùi hươu thêm
Thịt công nem ;
Linh đình cuộc rượu suốt ngày đêm,
Chén chú chén anh say túy lúy.
Chưa đã thêm !
Chưa đã thêm !
Nợ cũ chưa rồi nợ mới thêm !
Gia-tài một ngày thấy một khác !
Vì rượu vừa ngon thịt lại mềm !

CA (hát) CA

Ả dàu non !
Câu hát dòn !
Dắt diu cung đàn giọng véo von,
Nhạn liêng da trời ngư lặn sóng ;
Vân vợ hồn !
Vân vợ hồn !
Ném cả nghìn vàng chuộc miệng ngon,
Tay nải quan-viên vờ đã mướp ;
Còn chơi với nguyệt khoảng thu tròn.

Minh-Chu HỒ-VĂN-BIỂU

TRÚC - CHI - TỪ

(Miền nhà-quê)

I

Chữ hán ngày nay đã gác rồi,
Trở về làm thuốc kiếm nghề xoi !
Gặp năm ổi ằm tài chưa phát !
Vốn cũng lên mây lọ hỏi lời.

II

Mùa màng thất bát chắc lưng mô,
Điền ruộng cầm nường cổ cả đồ.
Lựa một khu trời cùng muốn bán !
Sợ không ai biết có ai mua.

Ngô-Hiên, TRẦN-PHƯƠNG-LẠM



NHỮNG SÁCH CÓ BÁN TẠI BẢN-QUÁN

Sách bản-quán xuất-bản :

	giá		giá
Hỏa-xa chỉ-nam	0\$30	Chuyện vui	0\$09
Phép nuôi gà	0\$18	Vận văn I	0\$08
Phép nuôi tằm	0\$12		

SÁCH ĐẠI-LÝ :

Duyên thơ	0\$25	Truyện ném bút II	0\$06
Nam-Quốc nữ lưu	0\$40	Vấn-đề sinh-mệnh	0\$20
Xã-hội-luận	0\$25	Đông-Tây văn-hóa II	0\$18
Xã-hội	0\$20	Phụ-nữ vận-động	0\$20
Việt-Nam dã-thặng	0\$10	Chính-trị Trung-hoa	0\$20
Họa-tĩnh	0\$25	Quân-trị Dân-trị	0\$10
Nữ-công thường-		Thực-dân lịch-sử	0\$40
thức II	0\$20	Đông-Tây vi-nhân	0\$35
Chí phục-thù	0\$25	Sách thuốc gia dụng	0\$35
Pháp-luật	0\$20	Sinh-tồn cạnh-tranh	0\$20
Gia-đình và xã-hội	0\$20	Giết ai cứu ai	0\$17
Dân-quyền II	0\$17	Mục-trường rước sói I	0\$16
Những gương anh-hùng	0\$15	Tôn-giáo	0\$20
Kinh-tế học I	0\$25	Chính-trị nước Nhật	0\$17
Kinh-tế học II	0\$40	Đàn bà vì sao mà	
Thôi-miên học II	0\$35	kiều-nhược	0\$20
Truyện ném bút I	0\$06		

Ai mua, xin chiếu giá gởi tiền và nhớ gởi thêm 0\$13 cước. Nếu mua hai quyển trở lên thời thêm mỗi quyển 0\$03 nữa.

Tiếng-dân